

**SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TTYT KV GÒ CÔNG TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTYTGCT-KHTH

Vĩnh Bình, ngày tháng 01 năm 2026

V/v cập nhật, bổ sung đăng ký
danh sách người hành nghề trên
cổng thông tin điện tử Sở Y tế kể
từ ngày 01/01/2026(cập nhật)

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh chữa bệnh;

Trung tâm Y tế khu vực Gò Công Tây (TTYT) kính gửi Sở Y tế danh sách cập nhật, bổ sung đăng ký người hành nghề khám bệnh chữa bệnh kể từ ngày 01/01/2026 theo mẫu 01_Phụ lục II Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, trình Sở Y tế cập nhật và đăng tải thông tin người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của TTYT lên cổng thông tin điện tử.

(Đính kèm: Danh sách đăng ký người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh kể từ ngày 01/01/2026(cập nhật))./.

Nơi nhận:

- SYT(VP);
- Lưu: TCHC, KHTH.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TTYT KV GÒ CÔNG TÂY

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
KỂ TỪ NGÀY 01/01/2026 (CẬP NHẬT)**

(Kèm theo Công văn số /TTYTGCT-KHTH ngày tháng 01 năm 2026 của TTYT khu vực Gò Công Tây)

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC GÒ CÔNG TÂY (BAO GỒM TRẠM Y TẾ TRỰC THUỘC VÀ CÁC ĐIỂM Y TẾ TRỰC THUỘC TRẠM Y TẾ)
2. Địa chỉ: Số 09A, Nguyễn Văn Côn, ấp 2, xã Vĩnh Bình, tỉnh Đồng Tháp.
3. Thời gian làm việc hằng ngày của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: từ 00giờ00 đến 23giờ59 trong ngày; 7 ngày/tuần.
4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Lợi	000192/TG-CCHN;1773/QĐ-SYT;1719/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chuyên khoa YHGĐ; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Điện tâm đồ.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	BS CKI; Giám đốc; Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật; Khám bệnh, chữa bệnh.		
2	Phạm Văn Quang	000394/TG-GPHN;542/QĐ-SYT;1671/QĐ-SYT	- Y khoa - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học gia đình;	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	BS CKII; Phó giám đốc; Khám bệnh, chữa bệnh.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
			- Siêu âm tổng quát.				
3	Nguyễn Hồng Châu	1740/TG-CCHND	Doanh nghiệp bảo quản thuốc; Doanh nghiệp bán buôn thuốc; Nhà thuốc.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	DSCKI, Phó Giám đốc; Phụ trách Dược.		
4	Nguyễn Văn Mừng	000337/TG-CCHN;548/QĐ-SYT;1665/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhiễm; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chuyên khoa YHGĐ; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Siêu âm tổng quát; Siêu âm tim, bệnh lý tim mạch.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	BS Chính; Trưởng Phòng; Phụ trách Phòng kế hoạch tổng hợp; Khám bệnh, chữa bệnh.		
5	Nguyễn Trung Tín	005093/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Điều dưỡng Nội soi tiêu hóa.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	CĐDD; Quản lý Điều dưỡng.		
6	Nguyễn Đăng Phú	005626/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Trưởng Khoa; Khám bệnh, chữa bệnh.		
7	Nguyễn Vũ Trường Giang	005490/TG-CCHN	- Khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu cộng đồng; - Siêu âm tổng quát; siêu âm tim-mạch máu - Thực hành lâm sàng CK Laser y học.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	ThS Bác sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
8	Nguyễn Thị Hồng Phượng	000683/TG-CCHN;1793/QĐ-SYT;1350/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Nội soi mũi xoang chẩn đoán; Phẫu thuật nội soi mũi xoang; Đo thính lực - Nhĩ lượng.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	BS CKI; Phó trưởng khoa; Khám bệnh, chữa bệnh.		
9	Huỳnh Thị Út	000415/TG-GPHN;1660/QĐ-SYT	- Đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; - Định hướng chuyên khoa Tai mũi họng; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chuyên khoa YHGĐ.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	BS CKI; Khám bệnh, chữa bệnh.		
10	Phạm Ngọc Hồng Yên	006324/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Chuyên khoa da liễu cơ bản. - Kiến thức và kỹ năng cơ bản về chuyên khoa mắt. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh.		
11	Nguyễn Thị Thùy An	003974/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa - Khám bệnh, chữa bệnh Lao;	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	Bác sĩ, Khám bệnh, chữa bệnh.		
12	Châu Thị Diệp Trinh	000732/TG-GPHN	Y khoa	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh.		
13	Huỳnh Ngọc Vinh	000046/TG-CCHN;1813/QĐ-	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Nhi; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa;	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	Bác sĩ CKI; Khám bệnh, chữa bệnh.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
		SYT;1672/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa y học gia đình; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Điện tâm đồ.				
14	Nguyễn Thị Kim Thy	001082/TG-GPHN	Y khoa	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh.		
15	Nguyễn Phi Thoàng	004882/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt.	0645-1145; 1330-1630 T3T5	Bác sĩ, Khám bệnh, chữa bệnh.		Tăng cường
16	Lê Thị Thanh Tuyền	003688/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Chứng chỉ YHGD.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	CNDD, Điều dưỡng trưởng khoa.		
17	Trần Huyền Thảo	003781/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	CNDD CN hộ sinh; Điều dưỡng viên		
18	Nguyễn Phương Thanh	004755/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Kiến thức cơ bản về chuyên khoa mắt.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	ĐDTH, Điều dưỡng viên.		
19	Lê Thị Kim Loan	0003681/TG-	- Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV	0645-1145;	ĐDTH, Điều		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
		CCHN	ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	1330-1630 T2T3T4T5T6	dưỡng viên.		
20	Trần Thị Hạnh	0003677/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	Y sĩ, Điều dưỡng viên.		
21	Nguyễn Thị Mộng Thu	0001979/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	ĐDTH, Điều dưỡng viên.		
22	Võ Thị Kim Sang	003683/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Nội soi tiêu hóa.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	CNDD; Điều dưỡng viên.		
23	Trần Thị Dung	001004/TG-CCHN; 1752/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Sản phụ khoa - Kế hoạch hóa gia đình; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa; - Siêu âm bụng tổng quát; Điện tâm đồ; Thận nhân tạo.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	BS CKI; Trưởng Khoa; Phụ trách khoa HSCC; Khám bệnh, chữa bệnh.		
24	Lê Trần Phi Bảo	004806/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	ThS BS; Phó trưởng khoa; Khám bệnh, chữa bệnh.		
25	Nguyễn Hoàng Vũ	003794/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao;	0645-1145; 1330-1630	Bác sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
			- Siêu âm tổng quát; - Điện tâm đồ.	T2T3T4T5T6 Trực 24/24			
26	Trần Hoàng Duy	004808/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Nhi; - Thận nhân tạo; - Nội soi tiêu hóa.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	BSCKI; Khám bệnh, chữa bệnh.		
27	Phạm Minh Mẫn	006248/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Cấp cứu cơ bản; - Điện tâm đồ.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Bác sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh.		
28	Lê Ngọc Hải Dương	000285/TG-GPHN	- Y khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Cấp cứu cơ bản, - Điện tâm đồ.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Bác sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh.		
29	Nguyễn Nhật Khang	001069/TG-GPHN	Y khoa	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Bác sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh.		
30	Lê Thị Mai Thi	001081/TG-GPHN	Y khoa	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Bác sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh.		
31	Lê Nguyễn Minh Thư	001449/ĐT-GPHN	Y khoa	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Bác sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh.		
32	Dương Nhật Nam	002261/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNDD; Điều dưỡng trưởng khoa.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
			chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Thận nhân tạo.				
33	Võ Thị Tuyết Trinh	003685/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Thận nhân tạo.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNDD; Điều dưỡng viên.		
34	Trần Thị Bảo Châu	000575/TG-GPHN	Điều dưỡng.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNDD; Điều dưỡng viên.		
35	Nguyễn Thị Hồng Châu	003595/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNDD; Điều dưỡng viên.		
36	Lê Kim Hòa	003679/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Thận nhân tạo.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CĐDD; Điều dưỡng viên.		
37	Lê Lam Phương	0002280/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng- Xét nghiệm cơ bản.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	ĐDTH; Điều dưỡng viên.		
38	Trần Ngọc Thi	0002285/TG-	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV	0645-1145;	ĐDTH; Điều		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
		CCHN	ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng - Bó bột.	1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	dưỡng viên.		
39	Trần Thanh Tùng	004379/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Thận nhân tạo.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	ĐDTH; Điều dưỡng viên.		
40	Võ Thị Bảo Châu	0003522/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	ĐDTH; Điều dưỡng viên.		
41	Lưu Ngọc Hùng	006645/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY; Nội soi tiêu hóa.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	ĐDTH; Điều dưỡng viên.		
42	Huỳnh Thị Kim Trang	004714/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CĐĐD; Điều dưỡng viên.		
43	Nguyễn Thái Hồ	006244/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD,	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CĐĐD; Điều dưỡng viên.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
			HS, KTY.				
44	Võ Thị Huỳnh Lê	000587/TG-GPHN	Điều dưỡng	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CĐDD; Điều dưỡng viên.		
45	Võ Thị Mỹ Liên	003680/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNDD; Điều dưỡng viên.		
46	Nguyễn Văn Tú	000852/TG-GPHN	Đa khoa	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Điều dưỡng viên.		
47	Nguyễn Thị Cẩm	0003521/TG-CCHN; 1745/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Bác sĩ; Phó trưởng khoa; Khám bệnh, chữa bệnh.		
48	Lê Thuận Nhân	004128/TG-CCHN;1784/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Đọc phim Xquang.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	BS CKI; Phó trưởng khoa; Khám bệnh, chữa bệnh.		
49	Trần Phương Nhuận	005657/TG-CCHN;57/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - HSCC cơ bản.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	BSCKI; Khám bệnh, chữa bệnh.		
50	Lê Quang Khanh	004693/TG-	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa;	0645-1145;	Bác sĩ; Khám bệnh,		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
		CCHN	- Thực hành Chuyên khoa Ngoại tổng quát.	1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	chữa bệnh.		
51	Phan Thị Mỹ Tiên	001083/TG-GPHN	Y khoa	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Bác sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh.		
52	Đỗ Thị Kim Chi	0003674/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNDD; Điều dưỡng trưởng khoa.		
53	Trương Thị Lôi	006495/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNDD; Điều dưỡng viên.		
54	Nguyễn Thị Giàu	0003675/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CĐDD; Điều dưỡng viên.		
55	Lê Thị Hồng Thắm	005941/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CĐDD; Điều dưỡng viên.		
56	Võ Thị Ngọc Châu	0003719/TG-	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV	0645-1145;	ĐDTH; Điều		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
		CCHN	ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	dưỡng viên.		
57	Lưu Thị Mỹ Viên	005739/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Điều dưỡng viên.		
58	Cao Hoàng An	000713/TG-GPHN	Đa khoa.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Điều dưỡng viên.		
59	Lê Thị Diễm Sương	004376/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNĐD; Điều dưỡng viên.		
60	Phạm Thị Tuyết	000420/TG-CCHN	- Khám chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản-KHHGĐ; - Siêu âm tổng quát; - Siêu âm sản phụ khoa.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	BS CKI; Trưởng Khoa; Phụ trách khoa Phụ sản; Khám bệnh, chữa bệnh.		
61	Ngô Ngọc Loan	000090/TG-CCHN;1772/QĐ-SYT;543/QĐ-SYT;1667/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, phụ khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Bác sĩ; Phó trưởng Khoa; Khám bệnh, chữa bệnh.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
			khoa YHGD. -Điện tâm đồ; Siêu âm bụng tổng quát; siêu âm sản phụ khoa.				
62	Phạm Thị Kiều Tiên	0004084/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNDD Phụ Sản; NHS trưởng.		
63	Trương Thị Thùy Trang	002286/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNDD Phụ Sản; Điều dưỡng viên.		
64	Hồ Thị Cẩm Nguyên	0003757/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CĐHS; Hộ sinh viên.		
65	Nguyễn Thị Bích Ngân	0003629/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CĐHS; Hộ sinh viên.		
66	Lê Thị Ngọc Chi	0003720/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	NHSTH, Hộ sinh viên.		
67	Hà Thụy Loan Anh	0003673/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; - Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng; - Siêu âm bụng tổng quát.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	BS CKI;Trưởng khoa; Phụ trách khoa YHCT-PHCN; Khám bệnh, chữa bệnh.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
68	Trần Thị Ngọc Thanh	005863/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền. - Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh.		
69	Nguyễn Lê Anh Duy	000577/TG-GPHN	Chuyên khoa Y học cổ truyền	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh.		
70	Võ Hoàng Nhân	000802/TG-GPHN	Chuyên khoa Y học cổ truyền	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	Bác sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh.		
71	Nguyễn Thị Hoa Hồng Nhung	002241/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	CNDD, Điều dưỡng trưởng khoa.		
72	Trần Thị Phương Tuyền	0003687/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng- Thực hiện KT VLTL, PHCN.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	ĐDTH, Điều dưỡng viên.		
73	Mai Xuân Khoa	005076/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	Y sĩ.		
74	Lăng Thị Thu Thắm	001554/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS; KTY-PHCN.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	Y sĩ.		
75	Trần Công Bằng	000404/TG-	Chuyên khoa Xét nghiệm; Kỹ thuật	0645-1145;	CNCNSH; Phó		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
		CCHN	xét nghiệm vi sinh; sinh hóa; huyết học.	1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	trưởng khoa.		
76	Lê Tấn Bảy	000072/TG-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNXN; Phó trưởng khoa.		
77	Phạm Thị Thanh Trúc	004853/TG-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNXNYH; Kỹ thuật viên.		
78	Bùi Thị Ngọc Tuyền	056879/HCM-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNXN; Kỹ thuật viên.		
79	Nguyễn Trọng Nghĩa	000725/TG-GPHN	Xét nghiệm y học	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNXNYH; Kỹ thuật viên.		
80	Nguyễn Nhựt Minh	006001/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Siêu âm tổng quát; - Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Bác sĩ CKI; Khám bệnh, chữa bệnh.		
81	Trần Võ Hàn Phong	002279/TG-CCHN;1792/QĐ-SYT	- Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY. - Kỹ thuật chụp Xquang cơ bản.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNĐD; KTV trưởng khoa.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
			- Bỏ bột.				
82	Nguyễn Văn Thê	0003782/TG-CCHN;642/QĐ-SYT	- Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng; - Thực hiện các kỹ thuật chụp Xquang cơ bản.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	ĐDTH; Kỹ thuật viên.		
83	Trần Hữu Nghĩa	000864/TG-GPHN	Hình ảnh Y học	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CĐ KTHAYH; Kỹ thuật viên.		
84	Huỳnh Thị Trúc Giang	1157/CCHN-D-SYT-TG	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, người phụ trách công tác dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	DSĐH; Phụ trách Dược.		
85	Nguyễn Phạm Thanh Thảo	872/CCHN-D-SYT-TG	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của nhà thuốc.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	DSĐH; Phụ trách Dược.		
86	Phan Đình Minh Hải	1205/TG-CCHND	- Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT; - Xét nghiệm cơ bản.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	DSĐH, Phụ trách Dược.		
87	Nguyễn Thị Kim Ngọc	0160/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, người phụ trách công tác dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	DSĐH, Phụ trách Dược.		
88	Nguyễn Thị Ngọc Thơ	2030/CCHN-D-SYT-TG	Quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	CĐDS; Phụ trách Dược.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
89	Huỳnh Tấn Kim Thịnh	1079/CCHN-D-SYT-TG	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	DSCĐ; Phụ trách Dược.		
90	Phan Thị Thu Tâm	2029/CCHN-D-SYT-TG	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	CĐDS; Phụ trách Dược.		
91	Võ Thị Minh Thơ	1663/CCHN-D-SYT-TG	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	CĐDH; Phụ trách Dược.		
92	Phạm Thị Thu Nguyệt	2566/CCHN-D-SYT-TG	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế.	0645-1145; 1330-1630 T2T3T4T5T6	DSCĐ; Phụ trách Dược.		
TRẠM Y TẾ XÃ VĨNH BÌNH							
93	Lê Thị Thủy	0003317/TG-CCHN;1807/QĐ-SYT;1661/QĐ-SYT;2065/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh YHGĐ; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - Điện tâm đồ.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	BS CKI, Trưởng TYT; Người PTCMKT TYT; Khám bệnh, chữa bệnh.		
94	Nguyễn Hữu Nhân	0003761/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS, Phó Trưởng TYT; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
95	Nguyễn Thị Diễm Thúy	231/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ, Phó Trưởng TYT; Phụ trách Dược.		
96	Phan Thị Cẩm Tú	0003665/TG-CCHN	- KB, CB bằng YHCT; Châm cứu-VLTL-PHCN.	0700-1700 T2T3T4T5T6	YSYHCT; Khám chữa bệnh tại TYT.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
			- Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	Trực 24/24			
97	Nguyễn Hải My	005335/TG-CCHN	- Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Khám chữa bệnh tại TYT.		
98	Phạm Thị Ánh Duyên	0003415/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	ĐDTH, Điều dưỡng viên.		
ĐIỂM Y TẾ VĨNH BÌNH 1 TRỰC THUỘC TRẠM Y TẾ XÃ VĨNH BÌNH							
99	Trần Thị Thu Hồng	0003613/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại TYT; Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS, Người PTCMKT TYT; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
100	Trần Đỗ Ngọc Diễm	0003599/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	NHSTH; Hộ sinh viên.		
101	Ngô Hồng Cẩn	0003593/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng; YHGD.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	ĐDTH, Điều dưỡng viên.		
102	Lê Thị Cẩm Vân	004340/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
			về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS.				
103	Lê Thị Vui	1700/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	DSCĐ, phụ trách Dược.		
104	Lê Thị Mỹ Nhân	005715/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; - VLTL-PHCN.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YSYHCT; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
ĐIỂM Y TẾ VĨNH BÌNH 2 TRỰC THUỘC TRẠM Y TẾ XÃ VĨNH BÌNH							
105	Huỳnh Văn Riếp	000704/TG-CCHN	- Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao;	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS, Phó trưởng TYT; Người PTCMKT TYT; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
106	Võ Huỳnh Nguyệt Thu	0003651/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	ĐDTH, Phó trưởng TYT.		
107	Mai Huyền Trân	003661/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; - Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Bác sĩ ; Khám bệnh chữa bệnh.		
108	Lê Thị Tuyền	0003667/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	NHSTH; Hộ sinh viên.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
			định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.				
109	Lê Trần Công Tiễn	004377/TG-CCHN	- Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao;	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
110	Cao Văn Chính	2222/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	DSTH; Phụ trách Dược.		
TRẠM Y TẾ XÃ ĐỒNG SƠN							
111	Lâm Nguyệt Thanh	0003647/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại TYT. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS, Q. Trưởng TYT; Người PTCMKT TYT; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
112	Hồ Thanh Sang	003638/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT;Châm cứu-VLTL-PHCN.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Bác sĩ, Phó trưởng TYT; Khám bệnh, chữa bệnh.		
113	Lê Thị Tuyết Liễu	0003625/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	NHS; Hộ sinh viên.		
114	Nguyễn Thị Huế Thanh	0003643/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	ĐDTH, Điều dưỡng viên.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
			viên chức y tế điều dưỡng.				
115	Trần Thị Ngọc Linh	2498/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	DSTH, phụ trách Dược.		
116	Bùi Thị Thanh Nga	004364/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
117	Nguyễn Đại Phát	005231/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YSYHCT; khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
118	Nguyễn Văn Tú	000852/TG-GPHN	Đa khoa	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại TYT.		
ĐIỂM Y TẾ ĐỒNG SƠN 1 TRỰC THUỘC TRẠM Y TẾ XÃ ĐỒNG SƠN							
119	Nguyễn Thị Kiều Oanh	0003632/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Y sĩ, Phó Trưởng TYT; Người PTCMKT TYT; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
120	Trần Khánh Phương	0003838/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	NHSCĐ, Phó trưởng TYT.		
121	Trần Thị Thanh	0003645/TG-	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên	0700-1700	Y sĩ; Khám bệnh,		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
		CCHN;1803/QĐ-SYT	khoa Sản, Nhi tại TYT; - Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	T2T3T4T5T6 Trực 24/24	chữa bệnh tại TYT.		
122	Lê Thị Kim Ngân	002793/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YSYHCT ; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
123	Nguyễn Thành Nhân	006286/TG-CCHN	- Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Y sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
124	Huỳnh Nguyễn Duy Đoan	000459/TG-GPHN	Đa khoa.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Y sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
125	Ngô Thị Cẩm Tú	1765/CCHN-D-SYT-TG	Người chịu trách nhiệm chuyên môn Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ, phụ trách Dược.		
126	Trần Võ Hàn Nguyên	005293/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS,	0700-1700 T2T3T4T5T6	Y sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
			BSYHDP, YS.				
ĐIỂM Y TẾ ĐỒNG SƠN 2 TRỰC THUỘC TRẠM Y TẾ XÃ ĐỒNG SƠN							
127	Nguyễn Thị Kim Vàng	003800/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Châm cứu - VLTL-PHCN. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Bác sĩ, Phó trưởng TYT; Khám bệnh, chữa bệnh.		
128	Nguyễn Trường Giang	0003811/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại trạm y tế; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; người PTCMKT TYT; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
129	Trần Thị Tuyết Liễu	0003622/TG-CCHN;1771/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, Nhi tại TYT; - Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS,BSYHDP,YS.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
130	Trần Thị Thủy Tiên	005414/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; Thận nhân tạo.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
131	Nguyễn Thị Trúc Linh	005081/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD,	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CĐĐD; Điều dưỡng viên.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
			HS, KTY.				
TRẠM Y TẾ XÃ PHÚ THÀNH							
132	Huỳnh Thị Trinh	000688/TG-CCHN;1810/QĐ-SYT;1668/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên YHGD; - Chuyên khoa Tâm thần (Chứng nhận 3 tháng); - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; Điện tâm đồ.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	BS, Trưởng TYT; Người PTCMKT TYT; Khám bệnh, chữa bệnh.		
133	Nguyễn Thị Kim Đinh	0003600/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	NHSCĐ; Phó trưởng TYT.		
134	Huỳnh Thanh Tuyền	0003668/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng, YHGD.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CĐDD; Điều dưỡng viên.		
135	Nguyễn Thị Cẩm Tú	2556/CCHN-D-SYT-TG	Quầy thuốc, tủ thuốc TYT xã, YHGD.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	DSCĐ; phụ trách Dược.		
136	Lê Thị Ánh Hường	005529/TG-CCHN	- Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS;	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
			- Khám bệnh, chữa bệnh Lao.				
ĐIỂM Y TẾ PHÚ THÀNH 1 TRỰC THUỘC TRẠM Y TẾ XÃ PHÚ THÀNH							
137	Đặng Thị Hằng	004646/TG-CCHN	- Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS, Phó trưởng TYT; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
138	Hồ Trần Hữu Thọ	000569/TG-CCHN;1805/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Bác sĩ; Người PTCMKT TYT; Khám bệnh, chữa bệnh.		
139	Nguyễn Đăng Anh Tuấn	005218/TG-CCHN	- Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS,BSYHDP,YS; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
140	Nguyễn Thị Cẩm Thanh	450/CCHN-D-SYT-TG	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	DSCĐ; phụ trách Dược.		
141	Lê Thị Mộng Tuyền	0003314/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	ĐDCĐ, Điều dưỡng viên.		
142	Nguyễn Thị Kim Ngân	005974/TG-	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên	0700-1700	CĐĐD; Điều		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
		CCHN	môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	T2T3T4T5T6 Trực 24/24	dưỡng viên.		
143	Trần Thị Kim Liên	001007/TG-GPHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	NHSCĐ; Hộ sinh viên.		
ĐIỂM Y TẾ PHÚ THÀNH 2 TRỰC THUỘC TRẠM Y TẾ XÃ PHÚ THÀNH							
144	Trần Văn Hạnh	0003734/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS, Phó Trưởng TYT; Người PTCMKT TYT; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
145	Bùi Lê Minh Sang	0003546/TG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Châm cứu, VLTL-PHCN.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS, Phó Trưởng TYT; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
146	Phan Văn Lụa	0003040/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa YHCT, YHGĐ; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao; - VLTL-PHCN.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	BS CKI ; Khám bệnh, chữa bệnh .	0700-1700 T2T3T4T5T6	Tăng cường khoa YHCT - PHCN
147	Trương Lê Cẩm Tâm	2863/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6	DSCĐ; phụ trách Dược.		
148	Trần Thị Kim Huệ	0001706/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	ĐDTH; Điều dưỡng viên.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
149	Phan Thị Thanh Trang	000253/TG-GPHN	Điều dưỡng hộ sinh	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNHS, hộ sinh viên.		
TRẠM Y TẾ XÃ VĨNH HỮU							
150	Ngô Thiện Nhân	000213/TG-CCHN;1783/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; - Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại tổng quát; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao. - Siêu âm tổng quát; - Điện tâm đồ.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	BS CKI, Trưởng TYT; Người PTCMKT TYT; Khám bệnh, chữa bệnh.		
151	Nguyễn Xuân Dung	0003725/TG-CCHN;1753/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, Nhi tại TYT; -Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
152	Nguyễn Thị Thu Mộng	004298/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS,	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
			BSYHDP, YS.				
153	Võ Thị Cẩm Tuyền	1465/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	DSĐH; phụ trách Dược.		
154	Nguyễn Thị Thanh Ngân	0003755/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	NHSTH; Hộ sinh viên.		
155	Trần Thị Mộng Thêm	0003783/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	ĐDTH; Điều dưỡng viên.		
156	Huỳnh Yến Nhi	004533/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; - VLTL-PHCN.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YSYHCT; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
157	Lê Thị Ngọc Hân	001000/TG-GPHN	Đa khoa	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
ĐIỂM Y TẾ VĨNH HỰU 1 TRỰC THUỘC TRẠM Y TẾ XÃ VĨNH HỰU							
158	Phan Thị Trúc Ly	0003750/TG-CCHN;1775/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, Nhi tại TYT; - Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS, Phó Trưởng TYT; Người PTCMKT TYT; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
159	Nguyễn Thị Bích Tuyền	001423/ĐT-GPHN	Y khoa	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Bác sĩ; Khám bệnh, chữa bệnh.		Cập nhật
160	Nguyễn Thị Như Ngọc	0003756/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh YHCT, châm cứu-VLTL-PHCN. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YSYHCT; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
161	Trần Quan Sang	1448/CCHN-D-SYT-TG	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	DSCĐ; phụ trách Dược.		
162	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	000069/TG-GPHN	Đa khoa.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
163	Lê Văn Ngoan	0003831/TG-CCHN	Quy định tại QĐ41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	ĐDTH; Điều dưỡng viên.		
TRẠM Y TẾ XÃ LONG BÌNH							
164	Nguyễn Văn Thành	000399/TG-GPHN;1674/QĐ-SYT	- Y khoa; - Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học gia đình; - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Bác sĩ; Trưởng TYT; Khám bệnh, chữa bệnh.		
165	Nguyễn Thị Hồng Thủy	0003656/TG-CCHN;1808/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, Nhi tại TYT; - Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS;	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS, Phó Trưởng TYT; Người PTCMKT TYT; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
			- Khám bệnh, chữa bệnh Lao.				
166	Nguyễn Lý Thị Hoài Phương	001425/ĐT-GPHN	Y khoa	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	Bác sĩ; Nhân viên TYT xã Long Bình; Khám bệnh, chữa bệnh.		
167	Nguyễn Lê Anh Khoa	004695/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
168	Mai Thúc Loan	0003748/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	NHS CĐ, hộ sinh viên.		
169	Nguyễn Thị Phương Em	0003621/TG-CCHN	Quy định tại TT12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	NHS CĐ, hộ sinh viên.		
170	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1692/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	DSCĐ; phụ trách Dược.		
171	Phạm Phương Duy	005686/TG-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KB, CB khác	Ghi chú
			về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS.				
172	Võ Thị Xuân Liễu	006611/TG-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YSYHCT; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
ĐIỂM Y TẾ LONG BÌNH 1 TRỰC THUỘC TRẠM Y TẾ XÃ LONG BÌNH							
173	Trần Thị Kim Liên	0003746/TG-CCHN;1770/QĐ-SYT	- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, Nhi tại TYT; - Tham gia sơ cứu ban đầu KB, CB thông thường theo quy định tại TTLT số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định về mã tiêu chuẩn CCNN BS, BSYHDP, YS. - Khám bệnh, chữa bệnh Lao.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	YS, Phó Trưởng TYT; Người PTCMKT TYT; Khám bệnh, chữa bệnh tại TYT.		
174	Quách Thị Bảo Trân	003789/TG-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại TT 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD, HS, KTY.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	CNĐDCNHS, Phó Trưởng TYT.		
175	Phạm Loan Trinh	1742/TG-CCHND	Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc TYT.Xét nghiệm cơ bản.	0700-1700 T2T3T4T5T6 Trực 24/24	DSTH, phụ trách Dược.		

[illegible]